



Số: -20.../HĐTC-TVG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG
THI CÔNG XÂY DỰNG

(V/v: Thi công trọn gói nhà dân dụng)

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự Nước Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ thông tư số 02/2005/TT-XD ngày 25/02/2005 của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng cơ bản
- Căn cứ vào Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính Phủ ban hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng và luật XD số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 QH khoá XI.
- Căn cứ Giấy phép xây dựng số /GPXD cấp ngày tháng năm 20...
- Căn cứ vào báo giá kèm phụ lục hợp đồng của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại TẢN VIÊN piv
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., Chúng tôi các bên gồm có:

BÊN A (BÊN GIAO):

- Đại diện:
- Số CMND: cấp ngày //20... tại.....
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Fax:

BÊN B (BÊN NHẬN): C.TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TẢN VIÊN PIV

- Đại diện: Chức vụ:
- VP GD: Số 17, ngõ 15, đường Thanh Bình, P. Mộ Lao, Q. Hà Đông, Hà Nội
- Mã số thuế : 0104663717
- Điện thoại : 04 3553 9976
- Email/Web : admin@tanvien.com.vn - <http://www.tanvien.com.vn>



Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng Thi công về việc thi công xây dựng công trình nhà ở với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. QUY MÔ XÂY DỰNG

1.1 Quy mô xây dựng

- Tên công trình:
- Cấu tạo công trình:
- Kết cấu công trình:
- Quy mô công trình:
- Diện tích mặt bằng khu đất xây dựng: m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: m²

1.2 Thời hạn thi công : ... ngày, tính từ ngày ... / ... / 20... đến ngày ... / ... / 20...

ĐIỀU 2. NỘI DUNG THỎA THUẬN:

2.1. Bên A giao thi công trọn gói theo hồ sơ Thiết Kế cho Bên B thi công công trình nói trên. Chi tiết hạng mục và chủng loại vật tư theo “*Bảng báo giá kèm Phụ lục Hợp đồng*” đính kèm hợp đồng.

2.2. Bên B chuẩn bị đầy đủ các thiết bị và phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công khác để hoàn thành công trình theo đúng bản vẽ thiết kế, đúng kỹ thuật, mỹ thuật.

ĐIỀU 3. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Hình thức khoán trọn gói:

Bên A và Bên B ký kết Hợp đồng giao nhận thi công theo hình thức khoán trọn gói toàn bộ công trình, bao gồm các chi phí vận chuyển, thiết bị thi công, chi phí nhân công lắp đặt và các chi phí khác để thực hiện công việc nêu trên và không bao gồm thuế GTGT, với các đặc điểm sau đây:

- Giá trị Hợp đồng là giá trị khoán trọn gói và sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng với điều kiện Bên B chỉ thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình theo thống nhất giữa hai bên trước khi khởi công.
- Việc quyết toán Hợp đồng đối với các hạng mục khoán gọn trong trường hợp không có phát sinh sẽ không căn cứ trên khối lượng thi công thực tế của các hạng mục này mà chỉ căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc của từng hạng mục. Quyết toán khối lượng thi công thực tế chỉ được áp dụng đối với phần phát sinh thuộc các hạng mục khoán trọn gói hoặc các hạng mục phát sinh mới trong quá trình thi công.
- Trong quá trình thi công nếu có phát sinh tăng hoặc giảm khối lượng các hạng mục xây lắp, hai bên cùng bàn bạc và thỏa thuận bằng văn bản và ký nhận vào nhật ký công trình để làm cơ sở cho việc thanh toán sau này.



Tổng giá trị Hợp đồng (GTHĐ) – Được xác định căn cứ theo “*Bảng báo giá kiểm Phụ lục hợp đồng*”:

Giá trị Hợp Đồng: VNĐ
(*Bằng chữ*: *đồng./.*)

Giá trị hợp đồng không bao gồm thuế GTGT

3.3 Phương thức thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt theo từng giai đoạn sau:

- Đợt 01: 20% GTHĐ trong vòng 2 ngày sau khi ký kết hợp đồng: VNĐ
- Đợt 02: 15% GTHĐ sau khi đổ xong bê tông móng: VNĐ
- Đợt 03: 25% GTHĐ sau khi đổ xong sàn mái: VNĐ
- Đợt 04: 10% GTHĐ sau hoàn thiện cơ bản hạng mục xây, trát, ốp, lát: VNĐ
- Đợt 05: 10% GTHĐ sau khi lắp đặt hệ thống điện – nước: VNĐ
(*chưa bao gồm thiết bị*)
- Đợt 06: 10% GTHĐ sau khi lắp đặt thiết bị điện – nước: VNĐ
- Đợt 07: 08% GTHĐ sau khi hoàn thành các hạng còn lại: VNĐ
- Đợt 08: 02% GTHĐ 02 tháng sau khi bàn giao công trình: VNĐ

Các khoản thanh toán trên sẽ được thực hiện không quá ba (03) ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành các công đoạn thi công tương ứng sự xác nhận của Bên A. Bên B có quyền yêu cầu Bên A chịu phạt chậm trả đối với bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào mà chưa trả với lãi suất 0.1%/ngày/tổng số tiền vi phạm.

3.4. Nếu Hợp đồng không được hoàn thành hoặc bị chấm dứt theo quy định tại Điều 12, Bên B phải hoàn trả lại số tiền mà Bên A đã ứng trước tương ứng với phần công việc chưa hoàn thành hoặc bị vi phạm.

3.5. Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng sẽ được giải quyết theo Điều 14 của Hợp đồng này.

3.6. Các khoản thanh toán sẽ được thanh toán bằng tiền mặt có xác nhận theo phiếu thu của Bên B

ĐIỀU 4. VẬT TƯ - KỸ THUẬT

4.1. Bên B cung cấp toàn bộ vật tư, máy móc, công cụ dụng cụ thi công để thi công toàn bộ (Chi tiết theo “*Bảng báo giá kiểm Phụ lục hợp đồng*”) công trình theo đúng yêu cầu tiến độ thi công, quy cách và đúng theo bộ hồ sơ thiết kế Bên A cung cấp.

4.2. Bên B thi công đúng kỹ thuật, bảo đảm tính mỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế kỹ thuật thi công ban đầu, bao gồm:

- Thi công đúng cấp phối bê tông, phù hợp mác bê tông đã được chỉ định trong thiết kế.
- Cốt thép đặt đúng vị trí.



- Tháo dỡ cốt pha đúng quy trình, quy định về chất lượng.
- Xây tô đúng kỹ thuật.
- Chống thấm kỹ, đúng quy trình kỹ thuật.
- Ốp lát gạch đúng kỹ thuật.
- Khi chuẩn bị lắp các hệ thống ngầm dưới đất, Bên B sẽ yêu cầu Bên A kiểm tra trước.
- Các hạng mục phụ trợ đảm bảo yêu cầu tính thẩm mỹ, kỹ thuật, chất lượng đối với từng sản phẩm.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

4.3. Khởi công ngày: tính từ ngày Bên A tạm ứng theo Hợp đồng.

4.4. Phần thô được hoàn thành sau ngày kể từ ngày khởi công.

(Không tính thời gian lắp ráp vật tư hoàn thiện, trang thiết bị nội thất)

4.5. Trong trường hợp kéo dài thời hạn thi công do bên A bàn giao mặt bằng chậm, cũng như các yếu tố khách quan khác như thiên tai, địch họa thì hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất lại tiến độ cho phù hợp.

4.6. Trong trường hợp có các yếu tố khách quan và bất khả kháng gây chậm tiến độ thì bên B phải ghi vào nhật ký công trình có xác nhận của giám sát Bên A để cùng nhau giải quyết, thời hạn thông báo và giải quyết sự cố sẽ không tính vào tiến độ thi công.

4.7. Mọi lý do chậm trễ khác, Bên B phải chịu phạt theo qui định 0.01%/ tổng giá trị HĐ trên mỗi ngày chậm trễ theo tiến độ cam kết, nhưng không quá 03% tổng giá trị HĐ

ĐIỀU 5. GIỜ LÀM VIỆC

5.1. Giờ làm việc bình thường từ 07 giờ 30 đến 17 giờ 00 tất cả các ngày trong tuần (không kể ngày lễ)

5.2. Ngoài giờ từ 17 giờ 30 đến 23 giờ tất cả các ngày trong tuần (không kể ngày lễ).

5.3. Hạn chế thi công ngoài giờ để bảo đảm an ninh trật tự xung quanh công trình.

5.4. Giờ làm việc nêu trên có thể được điều chỉnh dựa theo mùa tại thời điểm tiến hành thi công.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Quyền và Nghĩa vụ của Bên A

- Có trách nhiệm chuẩn bị bàn giao mặt bằng thi công đúng thời hạn, bàn giao nguồn và thanh toán tiền điện, nước để phục vụ thi công, vị trí đầu nối hệ thống thoát nước sinh hoạt phục vụ việc thi công công trình.
- Cung cấp đầy đủ thông tin, nội dung liên quan cho Bên B để phục vụ tốt cho công tác thi công (Bản vẽ xin phép xây dựng, giấy phép sử dụng lề đường, bản vẽ thiết kế thi công)
- Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu nhà, đất nếu có tranh chấp.



- Cử giám sát có chuyên môn và có trách nhiệm thường xuyên có mặt tại công trình để theo dõi tiến độ và chất lượng thi công, cung cấp một phần vật tư hoàn thiện đúng kế hoạch và tiến độ thi công, xác nhận khối lượng phát sinh nếu có để làm cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán sau này.
- Tạm ứng và thanh toán đúng theo Điều 3 của Hợp đồng này.
- Có mặt khi cơ quan chức năng yêu cầu để cùng với Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc (nếu có) trong suốt quá trình thi công công trình.
- Ký kết “*Biên bản bàn giao kiêm thanh lý Hợp đồng*” theo thông báo của Bên B, trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Quyền và Nghĩa vụ của Bên B

- Trong quá trình thi công, mọi vấn đề liên quan đến kỹ thuật thi công không được gây ảnh hưởng đến những nhà lân cận, nếu xảy ra do lỗi của bên B thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
- Cử người huy trưởng và giám sát công trình thi công và làm đầu mối liên lạc với Bên A trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Thi công bảo đảm chất lượng tốt, đúng quy phạm kỹ thuật - mỹ thuật cho công trình đẹp đúng thiết kế một cách hoàn chỉnh như kiến trúc sư đã giao. Mọi sự thay đổi về thiết kế kiến trúc phải được sự đồng ý của Bên A.
- Có biện pháp khắc phục, xử lý mọi sự cố kỹ thuật, an toàn trong quá trình thi công
- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và quyết định của Bên A tại công trình.
- Thông báo kịp thời cho Bên A mọi trở ngại do thiết kế không lường trước được hoặc trở ngại do điều kiện khách quan để hai bên bàn bạc thống nhất cách giải quyết (bằng văn bản hoặc ghi vào Nhật ký công trình quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này).
- Tự tổ chức điều hành và quản lý đảm bảo kế hoạch - tiến độ thi công.
- Trong quá trình thi công, Bên B phải đảm bảo vấn đề vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong khu vực.
- Xuất trình giấy phép hành nghề khi có sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.
- Chịu trách nhiệm kê khai nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trên phần tiền nhân công (tính theo GPXD).
- Thông báo yêu cầu nghiệm thu từng phần và toàn bộ công trình, và thanh lý Hợp đồng gửi Bên A trước 03 ngày.
- Trong thời hạn bảo hành Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa lỗi hư hỏng trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản liên quan đến vụ việc.
- Bên B có quyền chấm dứt hợp đồng nếu Bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình theo Điều 3 của Hợp đồng này.



- Bên B không chịu trách nhiệm cho những sự cố được xác định bởi các sai phạm về thiết kế (nếu có)

ĐIỀU 7. NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

7.1. Sau khi hoàn thành toàn bộ công trình, Bên B phải thông báo cho Bên A để tiến hành nghiệm thu công trình. Thời điểm nghiệm thu sẽ do Bên B thông báo cho Bên A trong vòng 2 ngày trên cơ sở nhật ký công trình được quy định tại Điều 10 của Hợp đồng này.

7.2. Căn cứ để nghiệm thu bao gồm (nhưng không giới hạn):

- Bản vẽ thiết kế;
- Nhật ký công trình

7.3. Bên B thông báo trước cho Bên A thời gian tiến hành nghiệm thu, nếu Bên A không có mặt để tiến hành nghiệm thu và ký biên bản trong vòng 03 ngày thì coi như Bên A đã nghiệm thu. Thời gian chờ nghiệm thu của Bên B sẽ được tính vào tiến độ thi công công trình.

7.4. Nếu Bên A không có mặt theo yêu cầu của Bên B để nghiệm thu công trình như nêu tại Điều 7.1 nêu trên, thì công trình sẽ đương nhiên được coi là đã được Bên A nghiệm thu và các bên sẽ làm thủ tục bàn giao và thanh lý công trình theo Điều 8 dưới đây.

ĐIỀU 8. BÀN GIAO VÀ THANH LÝ CÔNG TRÌNH

Sau khi kết thúc việc thi công, các bên tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình; bàn giao đưa vào sử dụng và thanh lý Hợp đồng. Bên A có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình theo Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. BẢO HÀNH CÔNG TRÌNH

9.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện việc bảo hành công trình sau khi đã giao công trình cho Bên A. Nội dung bảo hành bao gồm: khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết mà Bên B thực hiện.

9.2 Thời gian bảo hành là 12 tháng được tính từ ngày ký “Biên bản bàn giao kiêm thanh lý hợp đồng” toàn bộ công trình.

9.3 Trong vòng 3 năm tiếp theo, nếu có các vấn đề về kỹ thuật Bên B phải tiếp tục phối hợp xác định nguyên nhân và phối hợp với chủ đầu tư để khắc phục.

ĐIỀU 10. NHẬT KÝ CÔNG TRÌNH VÀ THƯỞNG PHẠT HỢP ĐỒNG

10.1 Nhật ký công trình là một tài liệu do Bên B lập ra để theo dõi và giám sát quá trình thi công công trình tại thời điểm bắt đầu thi công đến khi công trình được bàn giao và thanh lý Hợp đồng.

10.2 Nếu Bên B hoàn thành công trình trước thời hạn từ ... ngày trở lên, đảm bảo chất lượng thi công sẽ được Bên A thưởng ...% theo giá trị công trình.



10.3 Nếu Bên B không hoàn thành công trình đúng thời hạn hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của Bên B thì bị phạt 02% giá trị hợp đồng.

10.4 Nếu Bên B không đảm bảo chất lượng xây lắp phải chịu bù đắp mọi tổn thất do việc sửa chữa lại và phải chịu phạt 02% giá trị phần không đảm bảo chất lượng.

ĐIỀU 11. KHỐI LƯỢNG VÀ CHI PHÍ PHÁT SINH

11.1 Phát sinh tăng được hiểu là khi có bất kỳ khối lượng công trình nào phát sinh ngoài bản vẽ thiết kế và “*Bảng báo giá kèm Phụ lục Hợp đồng*” theo yêu cầu của Bên A.

11.2 Phát sinh giảm được hiểu là một trong những hạng mục công trình không được thực hiện theo yêu cầu của Bên A theo thiết kế đã được duyệt trước khi hạng mục đó được thi công. Nếu hạng mục công trình đó đã được Bên B thi công thì không được gọi là phát sinh giảm mà không phụ thuộc vào khối lượng thi công đối với hạng mục đó.

11.3 Bên B phải ngay lập tức thông báo cho Bên A về khối lượng phát sinh thông qua một trong hai hình thức sau đây:

- Thông qua Nhật ký công trình;
- Thông qua đại diện của Bên A.

11.4 Chi phí phát sinh từ khối lượng phát sinh được tính toán trên cơ sở chi phí thực tế. Nếu không có dự toán thì do 2 bên thỏa thuận bằng văn bản. Thời gian thi công phần phát sinh được tính vào tiến độ thi công công trình.

11.5 Bên A phải thanh toán chi phí phát sinh trong phần thanh toán tiếp theo nếu chi phí phát sinh đó có giá trị trên 10 triệu đồng. Nếu chi phí phát sinh dưới 10 triệu đồng, Bên A phải ký xác nhận bằng văn bản hoặc được ghi nhận vào Nhật ký công trình.

ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

12.1. Các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng này;

12.2. Bên A yêu cầu thay đổi thiết kế mà theo ý kiến của Bên B thì những yêu cầu thay đổi thiết kế này không phù hợp với thực tiễn ngành và luật pháp Việt Nam;

12.3. Một trong các bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng này mà không khắc phục trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên không vi phạm.

12.4. Các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 13 dưới đây.



ĐIỀU 13. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

13.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra ngoài sự kiểm soát hợp lý của Các Bên sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà một Bên hoặc Các Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này. Các Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thay đổi về mặt chính sách của nhà nước, chiến tranh, bạo loạn, tình trạng khẩn cấp, đình công, hoả hoạn, động đất, lụt bão, sét đánh, sóng thần và các thiên tai khác.

13.2 Nếu một Bên bị cản trở không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này vì Sự kiện bất khả kháng thì Bên đó phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng cũng với Các Bên sẽ nỗ lực để hạn chế và kiểm soát mức độ thiệt hại của Sự kiện bất khả kháng. Bên không bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng có thể gửi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng này nếu Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng không khắc phục được trong vòng 20 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

13.3 Thời gian ngừng thi công do thời tiết hay do sự kiện bất khả kháng sẽ không được tính vào tiến độ thi công của công trình.

ĐIỀU 14. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

14.1 Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật của Nước CH XHCN Việt nam.

14.2 Tất cả các tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết thông qua hoà giải thiện chí giữa Các Bên. Nếu sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp mà tranh chấp không được giải quyết thông qua hoà giải, tranh chấp sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại

14.3 Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Các Bên vẫn phải tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong quá trình thực hiện Hợp đồng này

ĐIỀU 15. CAM KẾT CHUNG

15.1. “*Bảng báo giá kèm phụ lục hợp đồng*” được đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng

15.2. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để tích cực giải quyết. (Nội dung được ghi lại dưới hình thức biên bản).

15.3. Mọi sự sửa đổi hay bổ sung vào bản Hợp đồng này phải được sự đồng ý của cả hai Bên và được lập thành văn bản mới có giá trị hiệu lực.



15.4 Người tổ chức triển khai:

Bên A cử : *Chức vụ:*

Số CMND: *Số ĐT:*

Địa chỉ thường trú:

trực tiếp làm việc với Bên B

Bên B cử: *Chức vụ:*

Số CMND: *Số ĐT:*

Địa chỉ thường trú:

trực tiếp làm việc với Bên A

15.5. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi hoàn tất việc thanh lý Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 03 bản, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản, và có giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại lần cuối cùng và thống nhất với những nội dung đã ghi trong Hợp đồng, hai bên cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B